

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

"V/v Hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích và ông Phạm Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51a/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H - Sinh năm 1995**

Nơi cư trú: Khu 18, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân T - Sinh năm 1983**

Nơi cư trú: Khu 18, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Có mặt chị H, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị và anh Nguyễn Xuân T tự nguyện kết hôn ngày 31/01/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là xã H), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình anh T một thời gian thì ở riêng tại khu 3 xã Y (nay là xã H), huyện T. Quá trình vợ chồng chung sống xảy ra nhiều bất đồng về cách sống,

ngoài ra anh T còn ham chơi bời, không chịu làm ăn vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm đánh chửi nhau, cuộc sống không hòa thuận, không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn nghiêm trọng nên từ năm 2018, chị và anh T đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Xuân T có với nhau 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy T; sinh ngày 18/11/2012 và Nguyễn Xuân H; sinh ngày 02/5/2015, cả 02 con chung hiện nay đang ở với anh T tại khu 18, xã H, huyện T (mới về ở với anh T 02 tháng trở lại đây). Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn là anh Nguyễn Xuân T đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt mà không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Nguyễn Xuân T vẫn vắng mặt mà không có lý do nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống, do bất đồng về lối sống, vợ chồng không cùng nhau khắc phục những khó khăn trong cuộc sống là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, cả hai bên cũng không thực sự có thiện chí hoặc có biện pháp tích cực nào để giải quyết bất đồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, cuộc sống chung không hòa thuận hạnh phúc dẫn đến phải sống ly thân. Kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương thì từ nhiều năm nay chị H, anh Tg đã không còn sống chung với nhau. Như vậy, có căn cứ để khẳng định chị H, anh T đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân và trên thực tế thì hôn nhân cũng đã không còn tồn tại, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của chị H là chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung sau ly hôn: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Xuân T có với nhau 02 con chung như đã trình bày trên. Mặc dù cả hai con chung hiện đang ở

với anh T, nhưng căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương nơi anh T đang cư trú sinh sống thì anh T không có nghề nghiệp, thường xuyên vắng nhà không rõ đi đâu, ngoài ra anh T còn có biểu hiện sử dụng chất ma túy, trong quá trình giải quyết vụ án anh T đều vắng mặt không có lý do vì vậy, để đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung và mọi quyền lợi của các con đều được đảm bảo nên giao cho chị H được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay của mỗi bên, phù hợp với nguyện vọng của con chung và cũng phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Do anh T vắng mặt, chị H tự nguyện không yêu cầu nên trong vụ án này không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Trần Thị H trình bày không có, nhưng do anh bị đơn là anh T vắng mặt nên chưa có căn cứ để giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Trần Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm, xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn là chị Trần Thị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy T; sinh ngày 18/11/2012 và Nguyễn Xuân H; sinh ngày 02/5/2015 (hiện nay con chung đang ở với anh T tại khu 18, xã H, huyện T). Anh Nguyễn Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí

ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2019/0002181 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã H, h. T;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Đình Xuân